

Bản án số: 19/2019/DS-ST.

Ngày 30 - 10 - 2019

V/v “Tranh chấp Quyền sở hữu tài sản  
và Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Mỹ Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thành Phước.

2. Ông Võ Quốc Hưng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Trung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST- DS, ngày 10 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp Quyền sở hữu tài sản và Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

***\*Nguyên đơn:*** Đặng Văn Th, sinh năm: 1960. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (*Có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt*).

***\*Đồng bị đơn:***

1. Đặng Minh Th, sinh năm: 1971. (*Vắng mặt*).

2. Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm: 1971 (*Vắng mặt*).

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

***\* Đồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Nguyễn Văn H, sinh năm: 1974. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

- Đặng Văn Đ, sinh năm: 1961. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

- Đặng Thị X, sinh năm: 1962. Cư trú tại: ấp Ng, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

- Đặng Văn Th, sinh năm: 1963. Cư trú tại: Ấp x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

- Đặng Minh Tr, sinh năm: 1968. Cư trú tại: ấp x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Minh Tr:* Ông Đặng Văn Th, sinh năm: 1960. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2019, Có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- Nguyễn Chí Th, sinh năm: 1973. Cư trú tại: ấp x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí Th:* Ông Đặng Văn Th, sinh năm: 1960. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng ((Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2019, Có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2019, nguyên đơn ông Đặng Văn Th cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Chí Th và ông Đặng Minh Tr trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân cha và mẹ của ông Đặng Văn Th là ông Đặng Văn B (sinh năm 1933, chết năm 1971) và bà Nguyễn Thị Th (sinh năm 1934, chết năm 2019), có được tất cả 06 (*Sáu*) người con chung gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr. Sau khi ông B chết thì bà Th tái hôn với ông Nguyễn Văn Ph (sinh năm 1929, chết năm 2008) và giữa bà Th với ông Ph có 02 (*Hai*) người con chung tên là Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th.

Do ông Đặng Văn Đ bị nhiễm chất độc màu da cam rất khù khờ, không có vợ con, nên lúc còn sống bà Th sống chung với Đặng Văn Đ ở căn nhà có địa chỉ tại ấp A, xã A, huyện C để tiện chăm sóc và lo cho Đặng Văn Đ.

Đến năm 2017 bà Th và ông Đ chuyển đến sống ở trong căn nhà do Đặng Minh Tr xây dựng, cặp với nhà hiện nay của Đặng Minh Tr (ấp x, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng), nhưng vì không thích nghi với nơi ở mới, nên khoảng 02 (*Hai*) tháng sau bà Th và ông Đ chuyển về nơi ở cũ tại ấp A, xã A, huyện C. Ngay sau khi bà Th quay về nơi ở cũ thì ông Th có bỏ tiền ra xây dựng 01 ngôi nhà mới có vị trí tại ấp A, xã A, huyện C để bà Th và ông Đ sinh sống.

Tuy nhiên, do chỗ ở mới cũng không quen, nên bà Th tiếp tục chuyển qua ở căn nhà sau của vợ chồng Đặng Minh Th, Nguyễn Thị Hồng D ở ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, khoảng 04 (*Bốn*) tháng thì bà Th bệnh nặng và khoảng 01 tuần sau thì bà Th mất (mất vào ngày 09 tháng chạp năm Mậu Tuất, nhằm

ngày 14/01/2019). Lúc bà Th chết thì anh em ông Th thống nhất tổ chức đám tang tại nhà ông Th, bà D.

Sau khi đám tang (lo hậu sự) cho bà Th xong thì anh em ông Th có xem lại sổ theo dõi phúng điếu để coi được bao nhiêu tiền, thì anh em ông Th mới biết được số tiền mà bà con, bạn bè phúng điếu được tổng cộng là 184.700.000 đồng, còn chi phí mai táng và các chi phí khác thì theo bà Nguyễn Thị Hồng D báo lại cho ông Đặng Văn Th biết là tổng chi phí là 85.000.000 đồng.

Sau khi lo mộ phần cho bà Th thì ông Đặng Minh Tr có đứng ra đại diện cho anh em ông Th nhận số tiền mai táng phí (tiền tử tuất) và trợ cấp 03 tháng cho bà Th là mẹ Việt Nam anh hùng với tổng số tiền là 26.800.000 đồng, nhưng do ông Đặng Minh Th khiếu nại, nên Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện Cù Lao Dung mới chi trả cho ông Đặng Minh Th số tiền là 19.400.000 đồng (Trong đó tiền mai táng phí 13.900.000 đồng và 5.500.000 đồng tiền trợ cấp 01 tháng cho mẹ Việt Nam anh hùng).

Như vậy, tổng số tiền thu được sau đám tang là 204.100.000 đồng (Bao gồm 184.700.000 đồng + 19.400.000 đồng = 204.100.000 đồng), sau khi trừ chi phí số tiền là 85.000.000 đồng, thì số tiền còn lại là 119.100.000 đồng.

Nay ông Đặng Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông Th yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

- Với tư cách là người đại diện cho ông Th và ông Tr thì ý kiến của ông Tr và ông Th là nếu ông Thanh và ông Tr đều được chia số tiền 119.100.000 đồng thì ông Tr và ông Th đều yêu cầu được nhận 01 phần số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

\* Tại văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án đồng bị đơn là ông Đặng Minh Th và bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Mẹ của ông Th là bà Nguyễn Thị Th khi còn sống thì sống chung với tại gia đình ông Th, bà D, khi mất thì mất tại bệnh viện đa khoa huyện Long Phú. Sau đó thì được anh em thống nhất tổ chức đám tang tại gia đình ông Th, bà D. Trong thời gian tổ chức tang lễ thì do gia đình ông Th, bà D đứng ra vay mượn tiền để tổ chức đám tang cho bà Th, những người anh em của ông Th là ông Đặng Văn Th, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Nguyễn Chí Th, Đặng Minh Tr, Đặng Văn Th không ai bỏ tiền ra để cùng ông Th, bà D, tổ chức đám tang. Sau khi tổ chức đám tang xong thì số tiền thu được trong đám tang gia đình ông Th, bà D dùng để chi trả lại cho việc vay mượn khi tổ chức đám tang, số tiền còn lại để mua nhang, cúng cơm hàng ngày và làm tuần cho bà Nguyễn Thị Th, số tiền chi trả cho việc tổ chức đám tang cho bà Nguyễn Thị Th không phải là số tiền 85.000.000 đồng (nhưng không nói rõ là đã chi dùng bao nhiêu). Ông Th thừa nhận có nhận tiền tổ chức mai táng phí cho bà Th là 13.900.000 đồng, còn số tiền 5.500.000 đồng ông Th, bà D không có nhận. Ông Th, bà D không đồng ý với yêu cầu của ông Th, ông H và bà X.

\* Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 6 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông H yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

\* Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 6 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị X trình bày: Bà X yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Bà X yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 8 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Đ trình bày: Ông Đ là con ruột của ông Đặng Văn B và bà Nguyễn Thị Th, ông Đ chỉ có đến tham gia tổ chức đám tang cho mẹ ông Đ, nhưng không có phụ giúp tiền bạc gì. Khi tổ chức đám tang cho mẹ ông Đ thì do ông Th lo chi phí mai táng, còn phần nhà mồ thì do ông Tr lo tiền xây nhà mồ. Ông Đ yêu cầu nếu Tòa án giải quyết chia số tiền làm đám tang do ông Th đang quản lý cho các anh chị em của ông, nếu ông được chia thì chia cho ông 01 phần.

\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chí Th, Đặng Minh Tr đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn Đặng Minh Th, Nguyễn Thị Hồng D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Văn Th, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

\* Đối với yêu cầu của ông Đặng Văn Th cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Chí Th và ông Đặng Minh Tr: Ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng (Bao gồm tiền thu được còn lại sau đám tang là 99.700.000 đồng, tiền mai táng phí 13.900.000 đồng và 5.500.000 đồng tiền trợ cấp 01 tháng cho bà mẹ Việt Nam anh hùng) cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông Th yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*), nhưng Tại văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án đồng bị đơn là ông Đặng Minh Th và bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Mẹ của

ông Th là bà Nguyễn Thị Th khi còn sống thì sống chung với tại gia đình ông Th, bà D, khi mất thì mất tại bệnh viện đa khoa huyện Long Phú. Sau đó thì được anh em thống nhất tổ chức đám tang tại gia đình ông Th, bà D. Trong thời gian tổ chức tang lễ thì do gia đình ông Th, bà D đứng ra vay mượn tiền để tổ chức đám tang cho bà Th, những người anh em của ông Th là ông Đặng Văn Th, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Nguyễn Chí Th, Đặng Minh Tr, Đặng Văn Th không ai bỏ tiền ra để cùng ông Th, bà D tổ chức đám tang. Sau khi tổ chức đám tang xong thì số tiền thu được trong đám tang gia đình ông Th, bà D dùng để chi trả lại cho việc vay mượn khi tổ chức đám tang, số tiền còn lại để mua nhang, cúng cơm hàng ngày và làm tuần cho bà Nguyễn Thị Th, số tiền chi trả cho việc tổ chức đám tang cho bà Nguyễn Thị Th không phải là số tiền 85.000.000 đồng (nhưng không nói rõ là đã chi dùng bao nhiêu). Ông Th thừa nhận có nhận tiền tổ chức mai táng phí cho bà Th là 13.900.000 đồng, còn số tiền 5.500.000 đồng ông Th, bà không có nhận. Ông Th, bà D không đồng ý với yêu cầu của ông Th. Xét thấy số tiền thu được còn sau đám tang là 99.700.000 đồng là tiền của bà con cô bác, họ hàng, bạn bè thân thuộc đến phân ưu phúng điếu chia buồn nhằm giúp đỡ tiền bạc cho gia đình có người chết có chút ít phương tiện để xoay trở tiêu phí trong việc tang lễ. Đây là một thuần phong mỹ tục của người Việt Nam. Đây cũng là một hình thức trực tiếp giúp đỡ cho tang chủ tiện bề chi dụng trong lúc cần thiết, là hình thức tương trợ lẫn nhau, hôm nay gia chủ nhận tiền của người ta thì mai kia sẽ đi trả lại. Số tiền phúng viếng sẽ được gia đình dùng cho việc chi trả chi phí mai táng cho người chết, phần còn dư sẽ dùng vào việc tổ chức các ngày lễ làm tuần 21 ngày, 49 ngày, 100 ngày và làm đám xā tang và dùng vào việc thờ cúng. Vì vậy, đây không phải là tài sản chung của ông Th, ông Th, ông Tr, ông Đ, ông Th, bà X, ông Th và ông H cũng không phải là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Th để lại. Đối với số tiền mai táng phí là 13.900.000 đồng thì theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí. Đây cũng không phải là tài sản chung của ông Th, ông Th, ông Tr, ông Đ, ông Th, bà X, ông Th và ông H cũng không phải là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Th để lại. Đối với số tiền 5.500.000 đồng tiền trợ cấp 01 tháng cho bà mẹ Việt Nam anh hùng thì ông Th, bà D cho rằng ông Th và bà D không có nhận số tiền này, nhưng ông Th không đưa ra được chứng cứ chứng minh là ông Th và bà D đã nhận số tiền 5.500.000 đồng. Đồng thời, Tại các chứng cứ do Tòa án thu thập: Tại biên bản làm việc ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Cù Lao Dung với ông Đặng Minh Th thì ông Th chỉ có nhận số tiền mai táng phí là 13.900.000 đồng, không có nhận số tiền 5.500.000 đồng và tại danh sách chi trả trợ cấp hàng tháng (Tháng 01/2019) của Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện Cù Lao Dung thì tại mục người nhận tên là ông Đặng Văn Đ điểm chỉ nhận tiền với số tiền trợ cấp tổng cộng là 5.815.000 đồng, chứ không phải là số tiền 5.500.000 đồng. Từ những cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp chận yêu cầu khởi kiện của Đặng Văn Th về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng (Bao gồm tiền thu được còn lại sau đám tang là 99.700.000 đồng, tiền mai táng phí 13.900.000

đồng và 5.500.000 đồng tiền trợ cấp 01 tháng cho bà mẹ Việt Nam anh hùng) cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông Th yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

\* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 6 năm 2019: Yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông H yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*), nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, cũng không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì coi như là từ bỏ yêu cầu độc lập. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H.

\* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị X có đơn yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 6 năm 2019: Yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Bà X yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*), nhưng bà X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, cũng không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì coi như là từ bỏ yêu cầu độc lập. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị X.

\* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Chí Th có đơn yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 6 năm 2019: Yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông Th yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*). Do ông Th không thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí theo quy định tại trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên sau khi nhận được yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Chí Th thì Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số: 130/TB – TA, ngày 01 tháng 7 năm 2019 và tổng đạt cho ông Th đúng trình tự quy định của pháp luật, nhưng đã hết thời hạn được thông báo quy định tại khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự và cũng không có trở ngại khách quan hoặc trường hợp bất khả kháng mà ông Th vẫn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án

phí cho Tòa án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với yêu cầu độc lập của ông Th.

\* Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Minh Tr, ông Đặng Văn Th, ông Đặng Văn Đ không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này đối với ông Th, bà D, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử dành cho ông Đặng Minh Tr, ông Đặng Văn Th, ông Đặng Văn Đ được quyền khởi kiện bằng 01 vụ án khác nếu có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Minh Th, bà Nguyễn Thị Hồng D là đồng bị đơn, ông Đặng Văn Th, ông Đặng Văn Đ, bà Đặng Thị X, ông Nguyễn Văn H đồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th, bà D, ông Th, ông Đ, ông H và bà X.

Đối với ông Đặng Văn Th là nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Chí Th và ông Đặng Minh Tr đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2019 của nguyên đơn là ông Đặng Văn Th; Đơn yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 6 năm 2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị X, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Chí Th thì mẹ ruột của ông Th, ông H, bà X và ông Th là bà Nguyễn Thị Th cũng là mẹ ruột của ông Đặng Minh Th, ông Đặng Văn Đ, ông Đặng Văn Th, ông Đặng Minh Tr qua đời vào ngày 09 tháng chạp năm Mậu Tuất (nhằm ngày 14/01/2019 DL), qua đời tại Bệnh viện đa khoa huyện Long Phú (Nay là Trung tâm y tế huyện Long Phú). Lúc này anh em ông Th thống nhất tổ chức đám tang tại nhà ông Th, bà D. Sau khi tổ chức đám tang xong thì tổng số tiền gia đình ông Th thu được còn lại sau đám tang là 184.700.000 đồng + 19.400.000 đồng = 204.100.000 đồng (bao gồm tiền do bà con họ hàng, bạn bè, thân quyến gần xa đến phúng điếu 184.700.000 đồng, tiền mai táng phí 13.900.000 đồng và tiền trợ cấp bà mẹ Việt Nam anh hùng 01 tháng là số tiền 5.500.000 đồng). Sau khi khấu trừ tiền chi phí tổ chức đám tang là 85.000.000 đồng, còn lại số tiền là 119.100.000 đồng. Ông Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H, bà Đặng Thị X, ông Nguyễn Chí Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông Th, bà X, ông H và

ông Th yêu cầu mỗi người được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*). Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 2, 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Văn Th: Theo đơn yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Đặng Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông Th yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

Tại văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án đồng bị đơn là ông Đặng Minh Th và bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày: Mẹ của ông Th là bà Nguyễn Thị Th khi còn sống thì sống chung với tại gia đình ông Th, bà D, khi mất thì mất tại bệnh viện đa khoa huyện Long Phú. Sau đó thì được anh em thống nhất tổ chức đám tang tại gia đình ông Th, bà D. Trong thời gian tổ chức tang lễ thì do gia đình ông Th, bà D đứng ra vay mượn tiền để tổ chức đám tang cho bà Th, những người anh em của ông Th là ông Đặng Văn Th, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Nguyễn Chí Th, Đặng Minh Tr, Đặng Văn Th không ai bỏ tiền ra để cùng ông Th, bà D, tổ chức đám tang. Sau khi tổ chức đám tang xong thì số tiền thu được trong đám tang gia đình ông Th, bà D dùng để chi trả lại cho việc vay mượn khi tổ chức đám tang, số tiền còn lại để mua nhang, cúng cơm hàng ngày và làm tuần cho bà Nguyễn Thị Th, số tiền chi trả cho việc tổ chức đám tang cho bà Nguyễn Thị Th không phải là số tiền 85.000.000 đồng (nhưng không nói rõ là đã chi dùng bao nhiêu). Ông Th thừa nhận có nhận tiền tổ chức mai táng phí cho bà Th là 13.900.000 đồng, còn số tiền 5.500.000 đồng ông Th, bà D không có nhận. Ông Th, bà D không đồng ý với yêu cầu của ông Th.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian tổ chức tang lễ thì do gia đình ông Th, bà D đứng ra vay mượn tiền để tổ chức đám tang cho bà Th, những người anh em của ông Th là ông Đặng Văn Th, Nguyễn Văn H, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Nguyễn Chí Th, Đặng Minh Tr, Đặng Văn Th không ai bỏ tiền ra để cùng ông Th, bà D, tổ chức đám tang. Ông Th thừa nhận có nhận số tiền mai táng phí cho bà Th là 13.900.000 đồng, còn số tiền 5.500.000 đồng ông Th không có nhận. Ông Th, bà D cho rằng số tiền chi cho đám tang của bà Th không phải là 85.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày, nhưng ông Th, bà D không chứng minh là đã chi trả cho việc tổ chức đám tang là bao nhiêu tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định số tiền chi trả cho việc tổ chức tang lễ cho bà Th là 85.000.000 đồng như nguyên đơn đã trình bày. Xét thấy số tiền thu được còn sau đám tang là 99.700.000 đồng là tiền của bà con cô bác, họ hàng, bạn bè thân

thuộc đến phân ưu phúng điếu chia buồn nhằm giúp đỡ tiền bạc cho gia đình có người chết có chút ít phương tiện để xoay trở tiêu phí trong việc tang lễ. Đây là một thuần phong mỹ tục của người Việt Nam. Đây cũng là một hình thức trực tiếp giúp đỡ cho tang chủ tiện bề chi dụng trong lúc cần thiết, là hình thức tương trợ lẫn nhau, hôm nay gia chủ nhận tiền của người ta thì mai kia sẽ đi trả lại. Số tiền phúng viếng sẽ được gia đình dùng cho việc chi trả chi phí mai táng cho người chết, phần còn dư sẽ dùng vào việc tổ chức các ngày lễ làm tuần 21 ngày, 49 ngày, 100 ngày và làm đám xã tang và dùng vào việc thờ cúng. Vì vậy, đây không phải là tài sản chung của ông Th, ông Th, ông Tr, ông Đ, ông Th, bà X, ông Th và ông H cũng không phải là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Th để lại. Đối với số tiền mai táng phí là 13.900.000 đồng thì theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng thì người tổ chức mai táng được nhận mai táng phí. Đây cũng không phải là tài sản chung của ông Th, ông Th, ông Tr, ông Đ, ông Th, bà X, ông Th và ông H cũng không phải là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Th để lại. Đối với số tiền 5.500.000 đồng tiền trợ cấp 01 tháng cho bà mẹ Việt Nam anh hùng thì ông Th, bà D cho rằng ông Th và bà D không có nhận số tiền này, nhưng ông Th không đưa ra được chứng cứ chứng minh là ông Th và bà D đã nhận số tiền 5.500.000 đồng. Đồng thời, Tại các chứng cứ do Tòa án thu thập: Tại biên bản làm việc ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Cù Lao Dung với ông Đặng Minh Th thì ông Th chỉ có nhận số tiền mai táng phí là 13.900.000 đồng, không có nhận số tiền 5.500.000 đồng và tại danh sách chi trả trợ cấp hàng tháng (Tháng 01/2019) của Phòng Lao động Thương binh và xã hội huyện Cù Lao Dung thì tại mục người nhận tên là ông Đặng Văn Đ điểm chỉ nhận tiền với số tiền trợ cấp tổng cộng là 5.815.000 đồng, chứ không phải là số tiền 5.500.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định là ông Th, bà D không có nhận số tiền 5.500.000 đồng.

Từ những cơ sở trên xét thấy yêu cầu của ông Đặng Văn Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông Th yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*) là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 6 năm 2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông H yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*), nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, cũng không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì coi như là từ bỏ yêu cầu độc lập. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc

lập của ông Nguyễn Văn H. Ông có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 6 năm 2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Bà X yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*), nhưng bà X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa, cũng không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì coi như là từ bỏ yêu cầu độc lập. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị X. Bà X có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.4] Xét yêu cầu độc lập ngày 24 tháng 6 năm 2019 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Chí Th yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông Th yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*). Do ông Th không thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí theo quy định tại trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên sau khi nhận được yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Chí Th thì Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số: 130/TB – TA, ngày 01 tháng 7 năm 2019 và tổng đạt cho ông Th đúng trình tự quy định của pháp luật, nhưng đã hết thời hạn được thông báo quy định tại khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự và cũng không có trở ngại khách quan hoặc trường hợp bất khả kháng mà ông Th vẫn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với yêu cầu độc lập của ông Th.

[2.5] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Minh Tr, ông Đặng Văn Th, ông Đặng Văn Đ không có đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này đối với ông Th, bà D, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Dành cho ông Đặng Minh Tr, ông Đặng Văn Th, ông Đặng Văn Đ được quyền khởi kiện bằng 01 vụ án khác nếu có yêu cầu.

Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3, 6 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Đặng Văn Th

phải nộp số tiền là 744.375 đồng (*Bảy trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 372.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006101 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, ông Th phải nộp thêm số tiền là 372.375 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng*); Số tiền ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng án phí là 372.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006109 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng được sung vào công quỹ Nhà nước; Số tiền bà Đặng Thị X đã nộp tạm ứng án phí là 372.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006108 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, được sung vào công quỹ Nhà nước; Ông Đặng Minh Th, bà Nguyễn Thị Hồng D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 218, khoản 1 Điều 227, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 212, Điều 609, Điều 612 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Th về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông Th yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th, Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Ông H yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Đặng Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều số tiền là 119.100.000 đồng cho 08 người, bao gồm: Đặng Văn Th,

Đặng Văn Đ, Đặng Thị X, Đặng Minh Th, Đặng Văn Th, Đặng Minh Tr, Nguyễn Văn H và Nguyễn Chí Th. Bà X yêu cầu được nhận số tiền là 14.887.500 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Văn Th phải nộp số tiền là 744.375 đồng (*Bảy trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 372.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006101 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, ông Th phải nộp thêm số tiền là 372.375 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng*); Số tiền ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng án phí là 372.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006109 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng được sung vào công quỹ Nhà nước; Số tiền bà Đặng Thị X đã nộp tạm ứng án phí là 372.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006108 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng được sung vào công quỹ Nhà nước; Ông Đặng Minh Th, bà Nguyễn Thị Hồng D không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Đặng Văn Th, ông Nguyễn Văn H, ông Đặng Văn Đ, bà Đặng Thị X, ông Nguyễn Chí Th, ông Đặng Minh Tr, ông Đặng Minh Th, bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Đặng Văn Th có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Mỹ Xuyên**